

Số: /TB-KT

Nam Dương, ngày tháng năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của Chủ tịch UBND Nam Dương về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 50 lô đất ở thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II);

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của Chủ tịch UBND Nam Dương về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 50 lô đất ở thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II);

Căn cứ Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Dương về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất đối với 50 lô đất ở thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II),

Phòng Kinh tế xã Nam Dương thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cụ thể như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá**

Tên người có tài sản đấu giá: Phòng Kinh tế xã Nam Dương.

Địa chỉ: Thôn Bến Huyện, xã Nam Dương, tỉnh Bắc Ninh.

**2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá, giá khởi điểm:**

- Tên tài sản, số lượng, chất lượng: Quyền sử dụng đất đối với 50 lô đất ở thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II),

- Giá khởi điểm: **41.156.850.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi một tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, cụ thể:

## \* Tiêu chí đánh giá chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

| TT         | NỘI DUNG  | MỨC TỐI ĐA         |
|------------|---|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>   |                    |
| 1.         | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố  | Đủ điều kiện       |
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố  | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>   | <b>19,0</b>        |
| <b>1.</b>  | <b><i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i></b>   | <b>10,0</b>        |
| 1.1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc   | 5,0                |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện  | 5,0                |
| <b>2.</b>  | <b><i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i></b>   | <b>5,0</b>         |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)  | 2,0                |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)  | 3,0                |
| <b>3.</b>  | <b><i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i></b> | <b>2,0</b>         |
| <b>4.</b>  | <b><i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i></b>  | <b>1,0</b>         |
| <b>5.</b>  | <b><i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i></b>  | <b>1,0</b>         |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>  | <b>16,0</b>        |
| <b>1.</b>  | <b><i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i></b>   | <b>4,0</b>         |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả   | 2,0                |
| 1.2        | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả   | 2,0                |
| <b>2.</b>  | <b><i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i></b>  | <b>4,0</b>         |
| <b>3.</b>  | <b><i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i></b>  | <b>4,0</b>         |

| <b>TT</b> | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>MỨC TỐI ĐA</b> |
|-----------|---|-------------------|
| 3.1       | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>   | 2,0               |
| 3.2       | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>  | 2,0               |
| 4.        | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>  | <b>4,0</b>        |
| <b>IV</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>  | <b>57,0</b>       |
| 1.        | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | <b>15,0</b>       |
| 1.1       | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>   | 12,0              |
| 1.2       | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>  | 13,0              |
| 1.3       | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>  | 14,0              |
| 1.4       | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>   | 15,0              |
| 2.        | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.   | <b>7,0</b>        |
| 2.1       | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>   | 4,0               |
| 2.2       | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>  | 5,0               |
| 2.3       | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>  | 6,0               |
| 2.4       | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>   | 7,0               |
| 3.        | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.   | <b>7,0</b>        |
| 3.1       | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>   | 4,0               |
| 3.2       | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>  | 5,0               |
| 3.3       | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>  | 6,0               |
| 3.4       | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>   | 7,0               |
| 4.        | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | <b>3,0</b>        |
| 4.1       | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</i>   | 3,0               |

| TT  | NỘI DUNG  | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---|------------|
|     | <i>nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>   |            |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>   |            |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>   |            |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày <u>Luật đấu giá tài sản</u> có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | 7,0        |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>   | 4,0        |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>   | 5,0        |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>   | 6,0        |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>   | 7,0        |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | 4,0        |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i>  | 2,0        |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>   | 3,0        |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>   | 4,0        |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ-CP</u> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <u>17/2010/NĐ-CP</u> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo <u>Luật đấu giá tài sản</u> hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản</u>)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0        |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i>  | 2,0        |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>  | 3,0        |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i>  | 4,0        |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b>   | 5,0        |

| <b>TT</b>           | <b>NỘI DUNG</b>  | <b>MỨC TỐI ĐA</b> |
|---------------------|--|-------------------|
|                     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.   |                   |
| 8.1                 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>  | 3,0               |
| 8.2                 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>   | 4,0               |
| 8.3                 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>   | 5,0               |
| <b>9.</b>           | <b><i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>5,0</b>        |
| 9.1                 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>  | 3,0               |
| 9.2                 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>  | 4,0               |
| 9.3                 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>   | 5,0               |
| <b>V</b>            | <b><i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)</i></b>   | <b>7,0</b>        |
| 1.                  | <i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai)</i>  | 3,0               |
| 3.                  | <i>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Bắc Ninh, không bao gồm trụ sở chi nhánh.</i>   | 4,0               |
| <b>Tổng số điểm</b> |  | <b>99</b>         |

Người có tài sản chấm điểm theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản trên.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn sẽ là tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chuyên nghiệp và có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố, có số điểm cao nhất theo bảng chấm điểm nêu trên.

Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

#### **4. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng bằng bản giấy, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần và kèm bảng tự chấm điểm theo các tiêu chí tại Mục 3 của thông báo này và các hồ sơ tài liệu chứng minh (nếu có). Tổ chức tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.

*(Các đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ đăng ký nếu phát hiện trường hợp có sự gian dối trong hồ sơ đăng ký thì người có tài sản có quyền từ chối không chấm điểm đối với hồ sơ đó).*

#### **5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá:**

Thời gian nộp hồ sơ: **Từ ngày 20/5/2026 đến 11h30 phút ngày 25/5/2026** (trong giờ hành chính).

Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Kinh tế xã Nam Dương.

Địa chỉ: Thôn Bến Huyện, xã Nam Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Hình thức nộp hồ sơ: Trực tiếp tại địa điểm nộp hồ sơ *(không nhận hồ sơ qua đường bưu điện)*.

*Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu còn hiệu lực của cơ quan, đơn vị cử đến (trong trường hợp người đến nộp hồ sơ không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản), Căn cước công dân (hoặc Căn cước).*

Phòng Kinh tế xã Nam Dương không hoàn trả hồ sơ đối với những tổ chức không được lựa chọn.

Phòng Kinh tế xã Nam Dương thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm cung ứng DVSN công xã;
- Cổng ĐGTS Quốc gia;
- Công TTĐT xã Nam Dương;
- LĐVP; CVTH;
- Lưu VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Phạm Thị Hạnh**